

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 170/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 9 - 2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hậu và ông Nguyễn Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Nhân Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 19/6/2018 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như H trình bày như sau: Nguyên đơn và anh Trần Nhân Q có sự tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22/4/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống có hạnh phúc được nhiều năm, đến đầu năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Q không quan tâm chăm sóc gia đình, không quan tâm hạnh phúc vợ chồng. Chị H đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P giải quyết ly

hôn nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, chị H nhận thấy vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hai bên gia đình nội ngoại đã khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Nhân Q nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Như H trình bày vợ chồng có 02 người con chung Trần Nhân Q1, sinh ngày 02/02/2006 và Trần Nhân K, sinh ngày 30/7/2012; chị H yêu cầu giao 02 người con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và yêu cầu anh Trần Nhân Q phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 con/1 tháng (tức 3.000.000 đồng/2 con/1 tháng). Tại phiên tòa chị H thay đổi yêu cầu nuôi con, cụ thể chị H đồng ý giao 2 người con chung cho anh Trần Nhân Q chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh Q; mặc dù anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/2 con/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Như H đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn ghi họ và tên chồng Trần Nhân Q, họ và tên vợ Nguyễn Thị Như H; Bản sao sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Trần Nhân Q; Bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Nhân Q, Nguyễn Thị Như H; 02 bản sao giấy khai sinh Trần Nhân Q1 và Trần Nhân K.

Ý kiến trình bày của bị đơn anh Trần Nhân Q: Về quan hệ hôn nhân, anh Q đồng ý như ý kiến của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như H đã trình bày. Anh Q và chị H có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22/4/2005. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh Q là do chị H không hiểu và thông cảm cho đặc thù công việc của anh Q; chị H nghi ngờ anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q thì anh Q không đồng ý ly hôn, vì anh Q vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Anh Trần Nhân Q đồng ý như chị Nguyễn Thị Như H trình bày, vợ chồng có 02 người con chung tên là Trần Nhân Q1, sinh ngày 02/02/2006 và Trần Nhân K, sinh ngày 30/7/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Q yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung thì anh Trần Nhân Q thừa nhận đúng như chị Nguyễn Thị Như H đã trình bày và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể

từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như H chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. . Bị đơn anh Trần Nhân Q chưa chấp hành đúng pháp luật, anh Q vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/7/2018, vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/8/2018, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Như H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử 02 người con chung Trần Nhân Q1, sinh ngày 02/02/2006 và Trần Nhân K, sinh ngày sinh ngày 30/7/2012 cho anh Trần Nhân Q chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/2 con/1 tháng. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/8/2018, do bị đơn anh Trần Nhân Q vắng mặt lần thứ nhất không rõ lý do, Tòa án nhân dân huyện P đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 07/9/2018 vì lý do Kiểm sát viên bận công tác đột xuất nên Tòa án đã thông báo về thời gian mở lại phiên tòa hôm nay (11/9/2018). Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nói trên cho bị đơn là anh Trần Nhân Q. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn anh Trần Nhân Q vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như H và anh Trần Nhân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 22/4/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị H và anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị H và anh Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng, tin tưởng nhau. Mặc dù đã được Tòa án và gia đình hai bên hòa giải, nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Quá trình Tòa án hòa giải thì chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ý kiến của anh Q không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, anh Q và chị H không liên lạc với nhau, không tìm những giải pháp để hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, chị H và anh Q đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Như H, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Trần Nhân Q.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Như H và anh Trần Nhân Q có 02 người con chung tên là Trần Nhân Q1, sinh ngày 02/02/2006 và Trần Nhân K, sinh ngày 30/7/2012.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Như H và anh Trần Nhân Q về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H và anh Q đều có nguyện vọng nuôi con. Việc chị H thay đổi yêu cầu nuôi con tại phiên tòa là tự nguyện. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với 02 người con chung Trần Nhân Q1, Trần Nhân K hiện đang sống với anh Q và nguyện vọng của chị H để cho 02 người con chung tiếp tục được sống với anh Q. Do vậy, cần giao các con chung Trần Nhân Q1, Trần Nhân K cho anh Trần Nhân Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, là đảm bảo yêu cầu nuôi con của chị H, anh Q; đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của các cháu Quân, K. Chị Nguyễn Thị Như H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/2 con/1 tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như H, anh Trần Nhân Q đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như H. Chị Nguyễn Thị Như H được ly hôn anh Trần Nhân Q.

2. Về việc nuôi con:

Giao các con chung Trần Nhân Q1, sinh ngày 02/02/2006, Trần Nhân K, sinh ngày 30/7/2012 cho anh Trần Nhân Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Như H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/2 con/1 tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi những người con chung Trần Nhân Q1, Trần Nhân K đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Như H có quyền, nghĩa vụ vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như H, anh Trần Nhân Q không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Như H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006315, ngày 22/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT- Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND thị trấn L,
huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN NGỌC TÚ